TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **614**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 10/8/2023.
V/v: *Ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHI MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Mai Thị Thu Dung
Các Hội thẩm nhân dân :1.Bà Lê Thị Hải
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ
- Thư ký phiên tòa : Bà Trần Minh Tâm -
là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 202/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tú T Sinh năm: 1983
Thường trú: 50/6 PĐP, Phường 2, quận P, TP H.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C Sinh năm: 1971
Thường trú: 50/6 PĐP, Phường 2, quận P, TP H.
(bà T có mặt, ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2023 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Tú T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Tú T và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2008, hai vợ chồng mâu thuẫn nên thuận tình ly hôn theo Quyết định số 83/2008/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2008 của Tòa án nhân dân quận P.

Đến năm 2018, vợ chồng ông bà đoàn tụ lại, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 19/4/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, quận P, TP H.

Sau khi kết hôn lại, đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, bất đồng quan điểm sống và không thể hàn gắn được, không quan tâm gì đến nhau dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc.

Nhận thấy, tình cảm yêu thương, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau giữa vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

+ Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 22/9/2005 và trẻ Nguyễn Minh C1, sinh ngày 08/10/2007.

Trong đơn khởi kiện bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai trẻ đến khi trưởng thành. Đồng thời, yêu cầu ông C có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 (*mười triệu*) đồng/tháng/2 trẻ.

Tuy nhiên, do quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông C không đến Tòa án để giải quyết vụ án, do vậy về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì bà T không có yêu cầu ông C đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (tống đạt trực tiếp) nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án.

Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- *Nguyên đơn bà Phạm Thị Tú T trình bày*:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

+ Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 22/9/2005 và trẻ Nguyễn Minh C1, sinh ngày 08/10/2007.

Về nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà T trình bày có thay đổi nguyện vọng nuôi con chung cụ thể như sau:

Đối với trẻ Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 22/9/2005, bà đồng ý giao ông Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ A đến khi trưởng thành theo đúng nguyện vọng của trẻ ghi trong biên bản ghi lời khai tại Tòa án. Bà không cấp dưỡng nuôi trẻ A.

Đối với trẻ Nguyễn Minh C1, sinh ngày 08/10/2007, do trẻ bị bệnh nên bà mong muốn được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng trẻ C2 đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu ông C đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn C tiếp tục vắng mặt không có lý do.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy:

Ngày 17/10/2005, bà Phạm Thị Tú T và ông Nguyễn Văn C đã đăng ký kết hôn tại UBND Phường 2, quận PN, TP H. Sau đó, hai vợ chồng đã thuận tình ly hôn theo Quyết định giải quyết việc thuận tình ly hôn số 83/2008/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2008 của Tòa án nhân dân quận P.

Ngày 19/4/2019, hai vợ chồng đoàn tụ lại và có đăng ký kết hôn lại theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 19/4/2018 tại UBND Phường 2, quận P.

Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông C.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C nhưng ông C không có mặt, như vậy là ông C không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân này. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 22/9/2005 và trẻ Nguyễn Minh C1, sinh ngày 08/10/2007.

Căn cứ vào nguyên vọng của trẻ A là muốn ở với ông C. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án ông C không có mặt. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của bà T và căn cứ vào chứng cứ do Tòa án thu thập thì ông C vẫn đang cư trú và đứng tên chủ hộ tại căn nhà 50/6 PĐP, Phường 2, quận P. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao trẻ A cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành.

Đối với trẻ C1, do trẻ C1 bị bệnh chậm phát triển về khả năng nhận thức nên đề nghị giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ C1 đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi trẻ C1 bà T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T khai tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết*:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy bị đơn ông Nguyễn Văn C có hộ khẩu thường trú tại quận P, Thành phố H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận theo thủ tục tố tụng dân sự.

- *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn*:

Ngay sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà T về yêu cầu được ly hôn với ông C. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho ông C (tống đạt trực tiếp) như: thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm bản tự khai; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ; giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2.

Tuy nhiên, ông C không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không làm bản tự khai để trình bày ý kiến của ông về việc muốn được ly hôn hay đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2].Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*:

Ngày 17/10/2005, bà Phạm Thị Tú T và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 2, quận P, TP H. Sau đó, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã thuận tình ly hôn theo Quyết định giải quyết việc thuận tình ly hôn số 83/2008/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2008 của Tòa án nhân dân quận P.

Ngày 19/4/2019, hai vợ chồng đoàn tụ lại và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 19/4/2018 tại UBND Phường 2, quận P.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của bà T thì sau khi kết hôn lại thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, mặc dù sống chung một nhà nhưng việc ai nấy làm, vợ chồng sống ly thân.

Đối với ông C, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (tống đạt trực tiếp) nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp bản khai, không đến Tòa án để làm việc, trình bày ý kiến của mình là muốn vợ chồng đoàn tụ hay đồng ý ly hôn. Điều này, cho thấy ông C không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân, cuộc sống chung vợ chồng giữa ông C và bà T.

Xét thấy, vợ chồng phải yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng cuộc sống gia đình ấm no hạnh phúc. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông C đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà T về việc được ly hôn với ông C.

- *Về con chung*:

Trong quá trình chung sống, bà T và ông C có 02 người con chung là: trẻ Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 22/9/2005 và trẻ Nguyễn Minh C1, sinh ngày 08/10/2007.

Tại phiên tòa, bà T đồng ý giao trẻ A, sinh ngày 22/9/2005 cho ông Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành theo đúng nguyện vọng của trẻ ghi trong biên bản ghi lời khai tại Tòa án. Bà không cấp dưỡng nuôi trẻ A. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Quyết định công nhận thuân tình ly hôn số 83/2008/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2008 của Tòa án nhân dân quận P, các bên thỏa thuận về con chung như sau: Ông C trực tiếp chăm sóc trẻ A đến khi trưởng thành. Tại biên bản lấy lời khai trẻ A, trẻ A cũng có nguyện vọng sống với ba. Để không ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử nhận thấy cần tiếp tục giao trẻ A cho ông C được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trẻ A đủ tuổi trưởng thành.

Đối với trẻ Nguyễn Minh C1, sinh ngày 08/10/2007, do trẻ C1 bị bệnh nên bà T mong muốn được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng trẻ đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu ông C đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: trẻ C1 đã 16 tuổi nhưng trẻ bị khuyết tật mức độ nặng nên cần giao trẻ C1 cho bà T nuôi

dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông C đóng góp cấp dưỡng nuôi trẻ C1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận là có căn cứ, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị Tú T được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17 do UBND Phường 2, quận P, TP H cấp ngày 19/4/2018 cho bà Phạm Thị Tú T và ông Nguyễn Văn C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung*: Có 02 con chung là trẻ Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 22/9/2005 và trẻ Nguyễn Minh C1, sinh ngày 08/10/2007.

Giao ông C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ A đến khi trưởng thành. Bà T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Giao bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ C1 đến khi trưởng thành. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông C đóng góp cấp dưỡng nuôi trẻ C1.

Bà T, ông C đều có quyền thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết bà T và ông C đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí của vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng, bà Phạm Thị Tú T phải chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030205 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- UBND Phường 2, quận P, TP.H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Dung